

Số: /TM-TTYT

Ngũ Hành Sơn, ngày tháng 02 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Về việc cung cấp trang phục Y tế cho CBVC-Người lao động tại Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn- Năm 2026

Kính gửi: Quý Công Ty cung cấp dịch vụ may trang phục Y tế

Hiện nay, Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn đang có nhu cầu may đo trang phục Y tế cho CBVC-Người lao động trong năm 2026.

Thời gian cung cấp: Sau khi hợp đồng có hiệu lực. (Quý II-2026)

Địa điểm tại: Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn.

Để có căn cứ xây dựng giá dự toán mua sắm. Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn kính mời quý Công ty chuyên may đồ bảo hộ lao động cho nhân viên Y tế tham gia chào giá theo danh mục và số lượng cụ thể như sau:

Stt	Danh mục	YÊU CẦU VỀ màu sắc, chất liệu, kiểu dáng	Đvt	Số lượng
01	Trang phục Bác sĩ	* Áo: - Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. Có in Logo đơn vị phía trên túi áo bên trái. - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ±2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x246 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 48x51 ±2 Độ vón gút sau 10.800 vòng quay (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1)x(-1,5)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ VC-NLĐ của Trung tâm.	Bộ	120

		* Quần: - Màu sắc: Màu trắng/ Xanh đen/ đen (tùy chọn) - Chất liệu: Vải Kaki thun Định tính và định lượng nguyên liệu (%): POLYESTER: (80 ±1)%; Visco: (15±1)%; spandex: (5±1)% Khối lượng vải (G/M2) 243 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 482x368 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 123x296 ±2 Độ vón gút sau 10.800 vòng quay (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(0)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.		
		* Mũ: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kate ford Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ±2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x246 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 48x51 ±2 Độ vón gút sau 10.800 vòng quay (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1)x(-1,5)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h		
02	Trang phục Điều dưỡng, Hộ sinh, Y sỹ	* Áo/ Hoặc váy (Có hình mẫu kèm theo) - Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước: có 2 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái; Có in Logo đơn vị phía trên túi áo bên trái. - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, kích thước viền rộng 0,5 cm. - Chất liệu: Vải Kate ford - Màu sắc: Vải màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1	Bộ	162

	Khối lượng vải (G/M2) 145 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $286 \times 246 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $48 \times 51 \pm 2$ Độ vón gút sau 10.800 vòng quay (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-1) \times (-1,5) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ VC-NLĐ của Trung tâm.		
	* Quần - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki thun Định tính và định lượng nguyên liệu (%): POLYESTER: $(80 \pm 1)\%$; Visco: $(15 \pm 1)\%$; spandex: $(5 \pm 1)\%$ Khối lượng vải (G/M2) 243 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $482 \times 368 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $123 \times 296 \pm 2$ Độ vón gút sau 10.800 vòng quay (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-0,5) \times (0) \pm 0,1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau.		
	* Mũ: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kate ford Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62 ± 1; COTTON 38 ± 1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $286 \times 246 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $48 \times 51 \pm 2$ Độ vón gút sau 10.800 vòng quay (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-1) \times (-1,5) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h		

03	Trang phục Kỹ thuật viên y	* Áo: - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. Có in Logo đơn vị phía trên túi áo bên trái. - Chất liệu: Vải Kate ford - Màu sắc: Vải màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ±2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x246 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 48x51 ±2 Độ vón gút sau 10.800 vòng quay (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1)x(-1,5)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ VC-NLĐ của Trung tâm. * Quần: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki thun Định tính và định lượng nguyên liệu (%):POLYESTER: (80 ±1)%; Visco: (15±1)%; spandex: (5±1)% Khối lượng vải (G/M2) 243 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 482x368 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 123x296 ±2 Độ vón gút sau 10.800 vòng quay (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(0)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau.	Bộ	36
----	----------------------------	--	----	----

		* Mũ: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Oxford Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ±2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x246 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 48x51 ±2 Độ vón gút sau 10.800 vòng quay (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1)x(-1,5)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h		
04	Trang phục Dệt sỹ	* Áo : - Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. Có in Logo đơn vị phía trên túi áo bên trái. - Chất liệu: Vải Kate ford - Màu sắc: Vải màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ±2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x246 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 48x51 ±2 Độ vón gút sau 10.800 vòng quay (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1)x(-1,5)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ viên chức-NLĐ của Trung tâm.	Bộ	28

		* Quần: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki thun Định tính và định lượng nguyên liệu (%):POLYESTER: (80 ±1)%; Visco: (15±1)%; spandex: (5±1)% Khối lượng vải (G/M2) 243 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 482x368 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 123x296 ±2 Độ vón gút sau 10.800 vòng quay (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(0)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo,quần nam có 1 túi sau.		
		* Mũ: - Chất liệu: Vải Kate ford - Màu sắc: Vải màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ±2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x246 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 48x51 ±2 Độ vón gút sau 10.800 vòng quay (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1)x(-1,5)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h		
05	Trang phục nhân viên Y tế công cộng; Khối Hành Chính; KTV thiết bị y tế, nhân viên bảo trì và CB	* Áo: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Bamboo Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste (65±1)%; Visco (32± 1)%; Spandex (3±1)% Khối lượng vải (G/M2): 146 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): 606x341 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN): 83x52 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-0,5)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h	Bộ	84

	Dân số	- Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, ngắn tay hoặc dài tay, có túi bên trái, trong túi có đai cài bút. - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ VC-NLĐ của Trung tâm.		
		* Chân váy/Quần: - Màu sắc: Màu xanh/đen/ tím than - Chất liệu: Vải Tuysti Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste (92±1)%; Spandex (8±1)% Khối lượng vải (G/M2): 290 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): 897x379 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN): 172x109 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(0)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 2-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. + Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối.		
06	Trang phục nhân viên lái xe cứu thương	* Áo: - Kiểu dáng: Kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Có in Logo đơn vị phía trên túi áo bên trái. Màu sắc: Màu xanh đen - Chất liệu: Vải Kate ford Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste (65±1)%; Visco (32±1)%; Spandex (3±1)% Khối lượng vải (G/M2): 152 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): 568x342 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN): 87x70 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-0,5)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ VC-NLĐ của Trung tâm.	Bộ	04

		* Quần: - Màu sắc: Màu xanh Navy đậm. - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau - Chất liệu: Vải Tuysti Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste (80±1)%; Visco (14±1)%; Spandex (6±1)% Khối lượng vải (G/M2): 254 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): 489x376 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN): 135x313 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(0)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 2-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h		
07	Trang phục nhân viên Hộ lý	Áo: - Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Có in Logo đơn vị phía trên túi áo bên trái. - Màu sắc: Màu xanh hòa bình - Chất liệu: Vải Kate Định tính và định lượng nguyên liệu (%): 100% Bông Khối lượng vải (G/M2): 266 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): 454x202 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN): 10x9 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-4,5)x(-2)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ VC-NLĐ của Trung tâm.	Bộ	20
		* Quần: - Màu sắc: Màu xanh hòa bình - Chất liệu: Vải Kaki chun Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste (80±1)%; Visco (15±1)%; Spandex (5±1)% Khối lượng vải (G/M2): 245 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): 485x376 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN): 141x259 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(0)±0,1		

		Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.		
		* Mũ: - Màu sắc: Theo màu sắc của áo		
08	Trang phục nhân viên Bảo vệ	* Áo: - Màu sắc: Màu Ghi - Chất liệu: Áo vải Kate ford Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste (46±1)%; Bông (54±1)% Khối lượng vải (G/M2): 113 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): 552x286 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN): 11x7 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-0,5)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Có in Logo đơn vị phía trên túi áo bên trái. - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ VC-NLĐ của Trung tâm.	Bộ	04
		* Quần: - Màu sắc: Màu đen - Chất liệu: Vải Tuysti Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste (81±1)%; Visco (13±1)%; Spandex (6±1)% Khối lượng vải (G/M2): 246 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): 481x376 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN): 131x233 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(0)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.		

		Mũ: - Màu sắc: cùng màu với áo - Kiểu dáng: Mũ kiểu Kê pi		
TỔNG CỘNG:				458

- Giá chào là giá trọn gói đã bao gồm chi phí vật tư, công may, đo, phí vận chuyển, nhân công phục vụ và các loại thuế theo quy định hiện hành.

- Công ty tham gia chào giá phải ghi rõ họ tên, địa chỉ khi nộp bảng chào giá. Trong bảng chào giá phải ghi rõ hiệu lực của chào giá.

- Bảng chào giá phải được bỏ phong bì, niêm phong kín miệng bao để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc mời chào giá.

- Bảng chào giá phải ghi rõ nội dung ngoài phong bì để tiện theo dõi.

- Các công ty tham gia chào giá phải đảm bảo tính độc lập, không có mối quan hệ với nhau. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý, hoạt động kinh doanh, phạm vi hoạt động, các thông tin và tài liệu cung cấp cho Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn kèm theo bảng báo giá đồng thời tuân thủ các quy định khác của pháp luật.

- Các công ty tham gia chào giá phải chịu trách nhiệm việc cung cấp thông tin về giá của hàng hoá, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Thời gian nhận báo giá từ ngày 26/02/2026 đến 11H00 ngày 06/3/2026.

- Nơi nhận báo giá: Phòng TC-HC Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn.

- Địa chỉ: Số 582 Lê Văn Hiến, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại : 02363.969894.

- Trung tâm Y tế khu vực Ngũ Hành Sơn sẽ không hoàn trả các hồ sơ không được lựa chọn. Rất mong sự hồi đáp của Quý Công ty. Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ CNTT (để đăng website);
- Lưu: VT, TC-HC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Hưng